TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 230/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7- 2020
V/v: T/c ly hôn, nuôi con khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chấn

2. Ông Lê Minh Thơm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên toà:

Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GL xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Lan Ph**, sinh năm 1982.

Hộ khẩu TT: Số 240 HHT, thị trấn YV, huyện GL, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số 76 HHT, thị trấn YV, huyện GL, Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh C**, sinh năm 1981.

Trú tại: Số 240 HHT, thị trấn YV, huyện GL, Hà Nội.

Có mặt: Chị Ph

Vắng mặt: Anh C (xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Lan Ph trình bầy:

Tôi kết hôn với anh Trần Minh C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn YV, huyện GL, Hà Nội ngày 21/11/2003. Cưới xong chúng tôi về sống với nhà chồng tại số nhà 240, HHT, thị trấn YV, GL. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C thường xuyên uống rượu về gây sự đập phá đồ đạc, rồi sỉ nhục, đánh đập, chửi bới tôi vô cớ, tôi đã rất nhiều

lần đêm hôm phải đưa con về nhà ngoại. Sau đó vợ chồng lại về hòa giải, bỏ qua, tha thứ, nhưng anh C vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là đến tháng 10/2019, chồng tôi say xỉn đã đánh tôi trước mặt mọi người, kể từ đó tôi đã về nhà ngoại ở. Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ sinh lý từ đó. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, tôi không thể tiếp tục chung sống cùng anh C được nữa, tôi yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh C.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Trần Nhật M, sinh ngày 24/02/2005 và Trần Gia Phú M, sinh ngày 16/8/2009. Hiện nay cháu Nhật M đang ở với bố (anh C), cháu Phú M đang ở với tôi, hai cháu khỏe mạnh bình thường. Ly hôn, tôi đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi dưỡng con như hiện nay, để anh C tiếp tục nuôi cháu Nhật M và tôi tiếp tục nuôi cháu Phú M. Trước tôi có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Phú M là 3.000.000đ/ tháng, nay tôi thay đổi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, anh Trần Minh C trình bày ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với chị Trần Thị Lan Ph như lời khai chị Ph tôi nhất trí.

Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hôm đó tôi đi cỗ bàn về không làm chủ được bản thân mình, tôi có xích mích với cô ấy, tôi cũng không nhớ rõ. Sau đấy cô Ph bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nhiều lần tôi lên xin lỗi và muốn hòa giải nhưng cô ấy không về, nhiều lần mẹ tôi gọi điện cho cô ấy, nhưng cũng không về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Tôi không biết còn lý do gì nữa ngoài việc vợ chồng xích mích mà cô ấy đơn phương làm đơn ly hôn. Nay tôi xác định tình cảm với cô Ph vẫn còn, tôi không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Trần Nhật M, sinh ngày 24/02/2005 và Trần Gia Phú M, sinh ngày 16/8/2009. Hiện nay cháu Nhật M đang ở với tôi, cháu Phú M đang ở với mẹ (chị Ph), hai cháu khỏe mạnh bình thường. Nếu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn tôi muốn được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung, nếu không được thì đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi dưỡng con như hiện nay, tôi tiếp tục nuôi cháu Nhật M và chị Ph tiếp tục nuôi cháu Phú M. Tôi sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Phú M 1.500.000đồng/1tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Trần Thị Lan Ph vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn đối với anh Trần Minh C; Về con chung: giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay: Anh C nuôi cháu Nhật M, chị Ph nuôi cháu Phú M. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị Ph xác định có việc thay đổi việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là do khi biết mức thu nhập của anh C thấp theo bảng lương cung cấp xác nhận cho Tòa án. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trần Minh C vắng mặt nên không có quan điểm.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 19, 56, 59, 81, 82, 116 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Lan Ph đối với anh Trần Minh C, vì mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Chị Trần Thị Lan Ph được ly hôn anh Trần Minh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật Minh, sinh ngày 24/02/2005 và Trần Gia Phú Minh, sinh ngày 16/8/2009. Ly hôn, giao cho chị Phương tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phú Minh, còn anh Cường nuôi dưỡng cháu Nhật Minh. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào đến khi con chung 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung, công sức, nợ của vợ chồng : Không xem xét giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

-Về thẩm quyền: Anh Trần Minh C có Hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn đang thường xuyên sinh sống tại: Số 240 HHT, thị trấn YV, huyện GL, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội.

- Về thủ tục: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh Trần Minh C, nhưng anh C đã có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lan Ph và anh Trần Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn YV, huyện GL, thành phố Hà Nội ngày 21/11/2003. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, anh C uống rượu, không làm chủ được bản thân đã xúc phạm rồi cãi chửi nhau với vợ, thậm chí đánh vợ. Chị Ph bế tắc không tìm được giải pháp để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Bản thân anh C xác định tình cảm vẫn còn, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph, nhưng không đưa ra được giải pháp đoàn tụ, không nhìn nhận lại những lỗi của bản thân để sửa chữa. Khi Tòa án thông báo về việc thụ lý đơn yêu cầu ly hôn, tổ chức phiên hòa giải anh cũng không tham gia đầy đủ, không chủ động phối hợp với Tòa án tại các phiên hòa giải để tìm biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn. Chính anh C cũng chưa nhìn thẳng vào lý do mâu thuẫn, tìm hiểu và tác động đến tâm lý chị Ph không cho chị Ph thấy được kế hoạch của anh nếu vợ chồng quay về đoàn tụ. Vì vậy, anh C đã nhiều lần gây mâu thuẫn với chị Ph và ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng.

Căn cứ vào kết quả xác minh :

* Đại diện gia đình chị Ph, là mẹ đẻ, bà Nguyễn Thị H xác định: Chị Ph và anh C kết hôn năm 2003, chung sống hòa thuận đến 2-3 năm gần đây thì anh C sinh ra rượu bia về đập phá tài sản của vợ bán quán ăn và đánh con cái. Vợ chồng bà khuyên nhiều lần không thay đổi. Năm 2019 anh C uống rượu về đánh vợ không có lý do trước mặt mọi người, đuổi vợ về bên ngoại, rồi còn đánh con, chị Ph đã phải về gia đình bà ở từ đó đến nay. Nay chị Ph xin ly hôn anh C bà đồng ý và nhất trí cho mẹ con chị Ph sinh sống tại gia đình bà.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Nhật M, sinh năm 2005 và Trần Gia Phú M, sinh năm 2009 anh chị tự giải quyết về con khi ly hôn.

Về tài sản: Chị Ph có đầu tư quán tại gia đình anh C, việc giải quyết thế nào là do tự anh chị. Bà không có yêu cầu gì về nợ nần với anh chị.

* Đại diện gia đình anh C, là mẹ đẻ, bà Ngô Thị B xác định: Chị Ph và anh C tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn YV, GL. Anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C uống rượu say về vợ chồng lời qua tiếng lại chửi bới nhau, trong lúc nóng giận anh C có nhảy lên đấm chị Ph, nhưng chị Ph tránh được. Trước đây anh C cũng đã nhiều lần say xỉn về nhà nói năng lung tung, chị Ph và gia đình bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Chị Ph đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ 29/10/2019. Nay chị Ph có yêu cầu ly hôn anh C, bà mong muốn anh chị cùng về xây dựng gia đình nuôi dạy con cái. Nếu chị Ph vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì quyền quyết định là của anh chị.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh năm 2005 hiện đang ở với anh C và cháu Trần Gia Phú M, sinh năm 2009 hiện đang ở với chị Ph, anh chị tự giải quyết về con khi ly hôn. Anh chị không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Bà không biết, anh chị không nợ gì bà. Nếu có yêu cầu, anh chị tự giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Đại diện UBND thị trấn YV, huyện GL cung cấp ý kiến: Chị Ph và anh C kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn YV, GL. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà chồng ở số 240 HHT, thị trấn YV, GL. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn của anh chị cũng không nhờ chính quyền hòa giải. Khoảng tháng 01/2020 chị Ph không còn sinh sống tại gia đình anh C nữa. Qua thông tin từ bà B, mẹ anh C thì chị Ph bỏ về sống với bố mẹ đẻ là do anh C say rượu nên vợ chồng cãi cọ chửi bới nhau. Nay chị Ph xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Nhật M, sinh năm 2005 và Trần Gia Phú M, sinh năm 2009, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về con chung khi anh chị ly hôn.

Tài sản chung, công sức, nợ: Địa phương không biết, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị Trần Thị Lan Ph và anh Trần Minh C đã căng thẳng, kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu được ly hôn của chị Ph là chính đáng, phù hợp với quy định của Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] **Về con chung**: chị Ph và anh C thống nhất xác định có 02 con chung là Trần Nhật M, sinh ngày 24/02/2005 và Trần Gia Phú M, sinh ngày 16/8/2009. Hiện nay cháu Nhật M đang ở với anh C, cháu Phú M đang ở với chị Ph, hai cháu

khỏe mạnh bình thường. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai bên như nhau nên giữ nguyên tình trạng nuôi dưỡng, giao cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phú M, còn anh C nuôi dưỡng cháu Nhật M.

Về cấp dưỡng nuôi con: giai đoạn đầu chị Ph có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là cháu Phú M 3.000.000đ/ tháng, anh C đề nghị cấp dưỡng 1.500.000đ/ tháng. Tuy nhiên, sau đó chị Ph lại đề nghị không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Điều này hoàn toàn phù hợp với mức thu nhập của anh C khi anh cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động và bảng lương thu nhập bình quân 3.000.000đ/tháng. Bản thân anh C còn nuôi 01 con chung (cháu Nhật M), chị Ph nuôi 01 con chung (cháu Phú M), nên đề nghị của chị Ph không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp và được chấp nhận.

[4] **Về tài sản chung, công sức, nợ**: Chị Ph, anh C xác định không yêu cầu nên Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí**: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp của pháp luật.

[7[Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 110 Luật hôn và nhân gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Lan Ph;

Chị **Trần Thị Lan Ph**, sinh năm 1982 được ly hôn anh **Trần Minh C,** sinh năm 1981.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật

Về con chung: Chị Ph và anh C thống nhất xác định có 02 con chung là là Trần Nhật M, sinh ngày 24/02/2005 và Trần Gia Phú M, sinh ngày 16/8/2009. Ly hôn, chị

Ph tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phú M, anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhật M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào đến khi con chung 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Ph, anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Lan Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Ph đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện GL ngày 12/02/2020 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0005088, nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai, sơ thẩm. Chị Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *VKSND H. GL.*
- *TAND TP. Hà Nội.*
- *THA huyện GL.*
- *UBND đã thực hiện việc đăng ký kết hôn*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Oanh